



MỆO GHI NHỚ THỨ TỰ TÍNH TỪ TRONG TIẾNG ANH

1. Khái niệm tính từ trong Tiếng Anh

Tính từ trong Tiếng Anh là gì? Hiểu một cách đơn giản thì tính từ mô tả hoặc bổ nghĩa cho danh từ, cung cấp thêm thông tin về danh từ, chỉ ra những thứ như kích thước, hình dáng, màu sắc...

Ngoài ra, tính từ cũng có thể bổ nghĩa cho các đại từ.

Nó giúp trả lời các câu hỏi như, “Which one?”, “Whose?”, “What kind?” và “How many?”.

Không có tính từ, người nghe chẳng thể hiểu được liệu bạn có một kỳ nghỉ yên bình hay một kì nghỉ thảm khốc cả.

Nói cách khác, tính từ sẽ cụ thể hóa hơn nữa trong việc mô tả hành động, sự việc... giúp những câu nói của bạn có sức hấp dẫn và thu hút hơn nữa đấy.

2. Vị trí của tính từ trong Tiếng Anh

- Tính từ đứng trước danh từ trong Tiếng Anh để bổ nghĩa, cung cấp thêm thông tin chi tiết hơn cho danh từ.

- Sau các động từ liên kết: to be (am, is, are); seem; appear; feel; taste; look; sound; smell.

Còn trong câu thì tính từ thường được ở những vị trí sau:

- Tính từ nằm phía trước danh từ để biểu đạt tính chất.

Ví dụ: He is a **strong** man.

- Tính từ đứng sau động từ liên kết (linking verbs) như “to be/ look/ seem/ so...”.

Ví dụ: Candy is so **sweet**.

- Tính từ đứng trước “enough”: S + to be + adj + enough (for somebody) + to do something.

Ví dụ: He is **tall** enough to play basketball.

- Tính từ đứng sau “too”: S + động từ liên kết + too + adj + (for somebody) + to do something.

Ví dụ: She is too **short** to play volleyball.

- Trong cấu trúc: Động từ liên kết + so + adj + that + S + V

Ví dụ: It is so **hot** that we decided to stay at home.

- Sử dụng trong các câu so sánh. (Các tính từ dài đứng sau more, the most, less, as...as)



Ví dụ: She is as **beautiful** as her mother.

- Trong các câu cảm thán: How + adj + S + V, What + (a/an) + adj + N

Ví dụ: What a **cute** dog!

- Tính từ ở sau danh từ: tính từ có thể đi sau danh từ trong các trường hợp sau:

- Khi tính từ được dùng để đánh giá tính chất của các đại từ bất định (nothing, something...). Ví dụ: There is nothing interesting.
- Khi có hai hay nhiều tính từ được nối với nhau bằng từ “and” hoặc “but”, ý tưởng diễn tả bởi tính từ được nhấn mạnh. Ví dụ: The author is both clever and wise.
- Khi tính từ được dùng trong các cụm diễn tả sự đo lường. Ví dụ: The road is 6 km long.
- Khi tính từ ở dạng so sánh. Ví dụ: My brother have a smartphone bigger than mine.
- Khi các quá khứ phân từ là thành phần của mệnh đề được rút gọn. Ví dụ: The cup broken was very expensive.
- Một số quá khứ phân từ hai (P2) như: indicated, involved, mentioned. Ví dụ: The court asked the people involved.

3. Tính từ chứa đuôi -ing và -ed

– Những tính từ kết thúc bằng đuôi “-ed” diễn cảm xúc của người nói về một hiện tượng, vật nào đó.

Ví dụ: He was confused to meet her.

– Những tính từ kết thúc bằng đuôi “-ing” diễn tả việc thứ gì đó khiến bạn cảm thấy thế nào.

Ví dụ: This film is exciting.

Còn đây là một số cặp tính từ có cả đuôi “-ing” và “-ed”:

- Amusing – Amused
- Astonishing – Astonished
- Disgusting – Disgusted
- Confusing – Confused
- Exciting – Excited
- Exhausting – Exhausted



- Fascinating – Fascinated
- Frightening – Frightened
- Shocking – Shocked
- Terrifying – Terrified
- Worrying – Worried

4. Tính từ trong Tiếng Anh được dùng như danh từ

Dấu hiệu nhận biết của những tính từ như vậy là chúng có từ “the” ở phía trước.

Ví dụ: the rich, the old, the blind, the poor, the good, the sick, the handicapped...

The poor do not understand how the rich think.

Trong đó: “the rich” tương đương “rich people”, “the poor” tương đương với “poor people”.

5. Phân loại tính từ trong Tiếng Anh

Tính từ trong Tiếng Anh có thể được chia làm 2 loại là tính từ theo vị trí, tính từ theo chức năng.

5.1 Tính từ theo vị trí

– Tính từ thường đứng trước danh từ: các tính từ này vừa có thể đứng trước danh từ, vừa có thể đứng một mình. Ví dụ: A beautiful flower – This flower is beautiful.

– Tính từ đứng một mình, không cần kèm theo danh từ: các tính từ này thường bắt đầu bằng chữ cái “a” như: afraid, alone, awake... và một số tính từ đặc biệt như: content, unable...

5.2 Tính từ theo chức năng

– Tính từ chỉ sự miêu tả: good, small, young...

– Tính từ chỉ số đếm: one, two, first...

– Các từ chỉ thị: this, that, these, those; đại từ sở hữu như my, his, their; từ bất định như some, many.

– Tính từ chỉ mức độ là những tính từ diễn tả tính chất ở những mức độ lớn, nhỏ khác nhau.

– Các tính từ này có thể dùng ở dạng so sánh (tall, taller, tallest), hoặc có thể được sử dụng sau các phó từ chỉ mức độ (very, so...).

6. Dấu hiệu nhận biết tính từ trong Tiếng Anh

Căn cứ vào các hậu tố thường gặp sau, bạn sẽ dễ nhận biết tính từ trong Tiếng Anh hơn:



- al: cultural, national,...
- ful: peaceful, beautiful,...
- ive: impressive, active...
- able: comfortable, miserable...
- ous: famous, serious...
- cult: difficult...
- ish: childish, selfish...
- ed: interested, bored...
- y: danh từ + Y thành tính từ: healthy, friendly...
- less: childless...
- ing: interesting, relaxing,...
- ed: bored, interested,...

7. Thứ tự tính từ trong Tiếng Anh

Thứ tự các tính từ được ghi nhớ theo quy tắc **OPSASCOMP**. Trong đó:

1. Opinion – tính từ chỉ quan điểm, sự đánh giá. Ví dụ: lovely, wonderful,...
2. Size – tính từ chỉ kích cỡ. Ví dụ: small, big...
3. Age – tính từ chỉ độ tuổi. Ví dụ: young, old...
4. Shape – tính từ chỉ hình dạng. Ví dụ: round, square,...
5. Color – tính từ chỉ màu sắc. Ví dụ: white, blue,...
6. Origin – tính từ chỉ nguồn gốc, xuất xứ. Ví dụ: British, Japanese,...
7. Material – tính từ chỉ chất liệu. Ví dụ: wood, silk,...
8. Purpose – tính từ chỉ mục đích. Ví dụ: cleaning, cooking...

Ví dụ:

– woman/ a/ nice/ young.

Câu trên có các tính từ sau:



- Nice chỉ quan điểm tốt bụng (Opinion)
- Young chỉ độ tuổi (Age)

=> Đáp án: A nice young woman – Một người phụ nữ xinh đẹp, tốt bụng.

– big/ car/ a/ Korean/ white.

Bạn sẽ sắp xếp thứ tự các tính từ này như thế nào?

- Big (to) là tính từ chỉ kích cỡ (Size)
- Korean (Hàn Quốc) là tính từ chỉ nguồn gốc, xuất xứ (Origin)
- White (màu trắng) là tính từ chỉ màu sắc (color)

Đối chiếu với công thức kỳ diệu **OPSACOMP**, bạn có thể dễ dàng sắp xếp lại thứ tự tính từ của câu này rồi đây. Sau khi sắp xếp xong hãy thử so sánh với đáp án dưới đây xem sao:

=> Đáp án: A big white Korean car – Một chiếc ô tô lớn màu trắng của Hàn Quốc.

8. Sự hình thành tính từ kép/ tính từ ghép trong Tiếng Anh

8.1 Tính từ kép/ Tính từ ghép là gì?

Tính từ kép hay tính từ ghép là sự kết hợp của hai hoặc nhiều từ lại với nhau và được dùng như một tính từ.

Tính từ kép được sử dụng để bổ ngữ cho danh từ mà nó đứng trước.

8.2 Các cách viết tính từ kép/ tính từ ghép trong Tiếng Anh

Khi các từ được kết hợp với nhau để tạo thành tính từ kép, chúng có thể được viết thành:

- Một từ duy nhất. Ví dụ:

- Life + Long = lifelong
- Car + Sick = carsick

- Hai từ có dấu gạch nối ở giữa. Ví dụ:

- Long + Lasting = Long-lasting

8.3 Các cách hình thành tính từ kép/ tính từ ghép trong Tiếng Anh

Các tính từ kép trong Tiếng Anh (Compound Adjective) được hình thành từ 11 cách sau:

- Tính từ + Danh từ + -ed (Adjective-Past participle): mang nghĩa “có” gì đó



Ví dụ:

Grey-haired: có tóc màu xám

Right-angled: có góc vuông

Strong-minded: có tinh thần rất mạnh mẽ

Slow-witted: chậm hiểu

One-eyed: có một mắt

A short-sighted man: một người đàn ông bị cận thị.

A long-haired lady: người đàn bà có mái tóc dày và dài.

An old-fashioned dress: một chiếc váy lỗi thời.

- Tính từ + Quá khứ phân từ: mang nghĩa bị động

Ví dụ:

Low-paid: được trả tiền thấp

Full-grown: phát triển đầy đủ

Ready-made: được làm sẵn

- Phó từ + Quá khứ phân từ: mang nghĩa bị động

Ví dụ:

Well-known: nổi Tiếng, được nhiều người biết đến

Well-behaved: được đối xử tốt

ill-advised: bị xúi bậy

- Danh từ + quá khứ phân từ (Noun-Past participle): cũng mang ý bị động

Ví dụ:

Wind-blown: bị gió cuốn đi

Silver-plated: được mạ bạc

A tongue-tied boy: một cậu bé ít nói.

Sun-dried tomatoes: cà chua phơi khô (phơi nắng).



A wind-powered: cối xay gió (làm ra năng lượng từ gió).

- Tính từ + Động từ đuôi -ing (Adjective-Present participle): mang ý chủ động

Ví dụ:

Good-looking: đẹp

Close-fitting: bó sát

- Danh từ + Hiện tại phân từ: mang ý chủ động

Ví dụ:

Record-breaking: phá kỷ lục

Heart-breaking: cảm động

Top-ranking: xếp hạng đầu

- Phó từ + Hiện tại phân từ: mang ý chủ động

Ví dụ:

Long-lasting: lâu dài

Off-putting: nhô ra

Far-reaching: ở xa

- Danh từ + Tính từ (Noun-Adjective):

Ví dụ:

A world-famous singer: một ca sĩ nổi Tiếng toàn cầu.

A smoke-free restaurant: một nhà hàng cấm hút thuốc lá.

Ice-cold: lạnh như đá

Snow-white: trắng như tuyết

Blood-red: đỏ như máu

A long-lasting course: một khóa học dài đằng đẳng

A good-looking boy: một cậu bé đẹp trai

A free-standing tower: một tòa tháp độc lập



- Tính từ + Tính từ

Ví dụ:

Dead-tired: quá mệt mỏi

North-west: phía tây bắc

Dark-green: màu xanh lá cây đậm

Worldly-wise: từng trải

- Tính từ + Danh từ (Adjective-Noun):

Ví dụ:

Deep-sea diving: lặn nơi biển sâu.

A last-minute decision: một giải pháp vào giây phút cuối.

A full-length version of the movie: một phiên bản đầy đủ của bộ phim.

Red-carpet: rải thảm đỏ, mang tính trang trọng

Deep-sea: dưới biển sâu

Full-length: toàn thân

- Quá khứ phân từ của cụm động từ.

Ví dụ:

Stuck-up: tự phụ

Run-down: kiệt sức

Cast-off: bị bỏ rơi, bị vứt bỏ

- Những cách kết hợp khác của tính từ ghép

Ví dụ:

Hard-up: hết sạch tiền

Day-to-day: hàng ngày

All-out: hết sức

Well-off: khá khá, khá giả



So-so: không tốt lắm

Per capita: tính theo đầu người

Hit-or-miss: không đoán trước được

Touch-and-go: không chắc chắn

- Trạng từ-danh từ thêm -ed (Adverb-Past participle):

Ví dụ:

A deeply-rooted tradition: một truyền thống lâu đời.

A well-paid official: viên chức được trả lương hậu hĩnh.

A well-known writer: nhà văn nổi Tiếng.

A deeply-rooted tradition: truyền thống lâu đời.

A well-mannered girl: một thiếu nữ dịu dàng.

- Danh từ-danh từ (Noun-Noun):

Ví dụ:

A part-time job: một công việc bán thời gian.

A king-size bed: một chiếc giường lớn.

***NOTE:** Giữa các từ nối thường là dấu “-” (hyphen)

*** Một vài lưu ý nhỏ**

Khi có nhiều tính từ xuất hiện sau một động từ như to be (một động từ liên kết, tính từ thứ hai thường được kết nối với tính từ cuối cùng bằng từ “and”:

This city is big, busy and modern.

Từ “and” ít được dùng hơn khi có nhiều tính từ đứng trước danh từ, ví dụ: a peaceful, welcoming place.

Tuy nhiên, chúng ta có thể sử dụng “and” khi có 2 hoặc nhiều tính từ cùng loại hoặc khi các tính từ chỉ các phần khác nhau của cùng một thứ:

It is a blue and green shirt.



Vững vàng nền tảng, Khai sáng tương lai

Website **HOC247** cung cấp một môi trường **học trực tuyến** sinh động, nhiều **tiện ích thông minh**, nội dung bài giảng được biên soạn công phu và giảng dạy bởi những **giáo viên nhiều năm kinh nghiệm, giỏi về kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng sư phạm** đến từ các trường Đại học và các trường chuyên danh Tiếng.

I. Luyện Thi Online

Học mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị – Tiết kiệm 90%

- **Luyện thi ĐH, THPT QG:** Đội ngũ **GV Giỏi, Kinh nghiệm** từ các Trường ĐH và THPT danh Tiếng xây dựng các khóa **luyện thi THPTQG** các môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật Lý, Hóa Học và Sinh Học.
- **Luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán:** Ôn thi **HSG lớp 9** và **luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán** các trường *PTNK, Chuyên HCM (LHP-TĐN-NTH-GĐ), Chuyên Phan Bội Châu Nghệ An* và các trường Chuyên khác cùng TS. *Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Trịnh Thanh Đèo và Thầy Nguyễn Đức Tấn.*

II. Khoá Học Nâng Cao và HSG

Học Toán Online cùng Chuyên Gia

- **Toán Nâng Cao THCS:** Cung cấp chương trình Toán Nâng Cao, Toán Chuyên dành cho các em HS THCS lớp 6, 7, 8, 9 yêu thích môn Toán phát triển tư duy, nâng cao thành tích học tập ở trường và đạt điểm tốt ở các kỳ thi HSG.
- **Bồi dưỡng HSG Toán:** Bồi dưỡng 5 phân môn **Đại Số, Số Học, Giải Tích, Hình Học** và **Tổ Hợp** dành cho học sinh các khối lớp 10, 11, 12. Đội ngũ Giảng Viên giàu kinh nghiệm: *TS. Lê Bá Khánh Trình, TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Lưu Bá Thắng, Thầy Lê Phúc Lữ, Thầy Võ Quốc Bá Cẩn* cùng đội HLV đạt thành tích cao HSG Quốc Gia.

III. Kênh học tập miễn phí

HOC247 NET cộng đồng học tập miễn phí
HOC247 TV kênh Video bài giảng miễn phí

- **HOC247 NET:** Website học miễn phí các bài học theo **chương trình SGK** từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn học với nội dung bài giảng chi tiết, sửa bài tập SGK, luyện tập trắc nghiệm miễn phí, kho tư liệu tham khảo phong phú và cộng đồng hỏi đáp sôi động nhất.
- **HOC247 TV:** Kênh **Youtube** cung cấp các Video bài giảng, chuyên đề, ôn tập, sửa bài tập, sửa đề thi miễn phí từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn Toán- Lý - Hoá, Sinh- Sử - Địa, Ngữ Văn, Tin Học và Tiếng Anh.